

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671010-8 - Xác suất thống kê
Lớp :

STC : 4(60,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Hà Quang	Vũ	3472020147	07/07/1991	6,50	6,50	6,50	
2	Phạm Văn	Vũ	3476040054	22/10/1992	5,50			
3	Lê Bá	Ngọc	3477010074	06/12/1989	,00	,00	,00	CAM T
4	Nguyễn Thành	Trung	3477010153	25/05/1992	4,50	1,00	2,10	
5	Lưu Văn	Phương	3572020392	05/03/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
6	Phạm Văn	Tài	3572021044	01/03/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC
7	Phạm Huy	Hiệu	3572021661	19/02/1993	6,00	5,00	5,30	
8	Trần Tam	Giác	3572030927	21/06/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
9	Phan Văn	Lanh	3572031593	06/07/1993	4,00			Nợ HP
10	Vũ Thanh	Việt	3572031608	21/09/1990	4,00	1,00	1,90	
11	Nguyễn Văn	Nhận	3572031719	10/11/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC
12	Nguyễn Anh	Hầu	3572040938	01/03/1993	4,00	,50	1,60	
13	Phạm Tuấn	Vũ	3671010132	18/08/1991	5,50	3,00	3,80	
14	Nguyễn Tấn	Danh	3671010142	10/03/1994	8,00	7,00	7,30	
15	Vũ Hoàng	Linh	3671010149	09/12/1993	8,00	3,00	4,50	
16	Phạm Hứa Mỹ	Trình	3671010202	23/12/1994	7,00	3,50	4,60	
17	Lê Trọng	Nghĩa	3671010249	27/08/1993	5,00			
18	Lê Thành	Trọng	3671010253	09/10/1994	5,00	6,50	6,10	
19	Đặng Lê	Hoàng	3671010272	19/01/1994	6,00	6,30	6,20	
20	Vũ Biên	Hòa	3671010364	01/01/1994	4,00	6,00	5,40	
21	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	3671010374	20/03/1993	7,00	6,50	6,70	
22	Nguyễn Trọng	Tú	3671010380	26/09/1994	6,50	1,50	3,00	
23	Vũ Thị Thanh	Xuân	3671010391	06/03/1994	6,50	2,00	3,40	
24	Tào Kiến	Thành	3671010395	30/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
25	Lê Thị Kim	Linh	3671010405	12/02/1994	7,00	5,00	5,60	
26	Nguyễn Ngọc Phước	Dinh	3671010407	21/11/1993	3,50	,00	1,10	
27	Võ Lê Mỹ	Nhi	3671010418	24/06/1994	6,00	4,50	5,00	
28	Quách Đại	Phước	3671010431	25/04/1994	5,50	4,00	4,50	
29	Phạm Minh	Vương	3671010432	21/07/1994	7,50	8,00	7,90	
30	Nguyễn Thị Kim	Ngân	3671010483	11/01/1994	6,50	5,50	5,80	
31	Thái Thị Thanh	Hương	3671010490	24/12/1993	6,50	2,50	3,70	
32	Trần Quang	Danh	3671010521	01/06/1994	6,00	5,80	5,90	
33	Trầm Kỳ	Huy	3671010578	09/07/1994	7,00	3,50	4,60	
34	Nguyễn Quyết	Thắng	3671010612	01/12/1994	3,50	,00	1,10	
35	Ngô Đình	Khiêm	3671010625	23/12/1993	3,00	2,00	2,30	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Tiến	Quảng	3671010666	28/12/1991	4,00	,50	1,60	
37	Phan Thị Tú	Anh	3671010686	01/09/1993	5,00	5,00	5,00	
38	Lê Anh	Tuấn	3671010755	04/05/1994	7,00	9,50	8,80	
39	Nguyễn Văn	Trường	3671010776	15/09/1993	5,00			Nợ HP
40	Đỗ Văn	Sang	3671010785	29/04/1994	4,00	,50	1,60	
41	Nguyễn Trọng	Quang	3671010849	23/05/1994	6,00	5,50	5,70	
42	Phạm Bá	Sơn	3671010916	10/12/1994	6,00	5,00	5,30	
43	Lâm Triệu	Hưng	3671010933	01/10/1994	3,50			
44	Hà Nhật	Tâm	3671010939	16/04/1994	6,50	1,00	2,70	
45	Cô Ngọc Hoàn	Quý	3671011090	24/02/1994	6,00	3,30	4,10	
46	Nguyễn Huy	Hoàng	3671011145	30/08/1994	6,00	5,30	5,50	
47	Nguyễn Văn	Một	3671011217	11/08/1994	4,00	,00	1,20	
48	Nguyễn Văn	Thắng	3671011223	28/09/1994	4,50	5,30	5,10	
49	Trừ Văn	Tuấn	3671011281	28/03/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
50	Nguyễn Võ Thanh	Bình	3671011285	30/06/1994	3,50			
51	Huỳnh Gia	Khánh	3671011614	14/02/1994	5,00			
52	Ngô Anh	Toàn	3671011627	28/08/1994	2,50	1,00	1,50	
53	Nguyễn Thị	Lan	3671011654	30/03/1994	6,50	6,50	6,50	
54	Phạm Nguyễn Anh	Hoàng	3671011846	28/02/1994	5,00	,00	1,50	
55	Đào Thị Hoài	Thu	3671011852	17/09/1993	4,50	2,00	2,80	
56	Dương Vũ Chí	Công	3671011859	09/06/1994	5,50	3,00	3,80	
57	Nguyễn Văn	Tiến	3671011863	13/01/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
58	Trần Thị	Liên	3671011891	22/11/1993	2,00	2,30	2,20	
59	Nguyễn Thị	Trang	3671011896	02/07/1994	8,50	6,30	7,00	
60	Nguyễn Thị Thu	Hương	3671011897	26/01/1994	7,00	5,30	5,80	
61	Phan Thị Hồng	Phương	3671011907	07/08/1994	8,50	7,30	7,70	
62	Trần Thị Như	Trình	3671011934	20/03/1994	6,00	6,50	6,40	
63	Lê Trung	Nhân	3671011937	01/01/1993	3,50	,00	1,10	
64	Nhữ Quốc	Tĩnh	3671011939	24/04/1993	5,00			Nợ HP
65	Nguyễn Quốc	Trung	3671011964	26/05/1994	3,00	,00	,90	
66	Bùi Đình	Bắc	3671011999	28/11/1993	5,50	5,00	5,20	
67	Nguyễn Thị	Ngân	3671012007	20/05/1994	4,50			Nợ HP
68	Đặng Thị	Diễm	3671012014	18/08/1994	7,00	5,30	5,80	
69	Lê Đình	Quân	3671012029	28/01/1993	3,00	,00	,90	
70	Trần Thị Anh	Đào	3671012035	17/10/1994	6,50	4,50	5,10	
71	Thị Thu	Sang	3672010652	04/11/1994	5,00	2,00	2,90	
72	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	3672011043	28/06/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
73	Trương Mỹ	Xuyên	3672012004	1993	,00			Nợ HP
74	Đặng Lục Ý	Nhi	3673020498	20/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
75	Nhữ Văn	Việt	3673020585	09/11/1993	7,00	7,00	7,00	

Học phần : 0671010-8 - Xác suất thống kê
Lớp :

STC : 4(60,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Đỗ Thành	Vinh	3673020586	16/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
77	Lê Minh	Chí	3673020642	14/03/1994	8,00	8,00	8,00	
78	Nguyễn Thị Kim	Luyến	3673020790	18/05/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)